

ÔN TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT

Ăn ngayói thẳng.

Bán anh ema, mua láng giềng gần.

Ăn khôngon, ngủ không yên.

Ăn sung, mặcướng.

Ba chân,ốn cẳng.

Ác giả ácáo.

Ăn quả nhớ kẻồng cây.

Ăn to nóiớn.

Ăn sâu,ĩa nặng.

Áp áp ứng.

Chôn rau cắtốn.

Bịt mắt bắt

Chị ngã nâng.

Cây ngay không sợ chếtứng.

Cha truyền, conối.

Bố mẹ sinh con, trờiinh tính.

Cha nào nấy.

Chậm nhưên.

Chân cứng, đáềm.

Chớ thấy sóng cả mà ngã tayèo.

Con ông cháua

Dãi nắng, đầmương.

Đói cho sạch, rách thơm.

Dù ai nói ngả, nóiiêng.

Đất lànhim đậu.

Đầu voi, đuôiuột.

Em ngã, chịâng.

Con hơna là nhà có phúc.

Đào núi, lấpiễn.

Đất kháchê người.

Khôn nhà, dạiợ.

Quýt làm,am chịu.

Kính trênường dưới.

Nói như nước đổ láoai.

Ếch ngồi đáyếng.

Lá lành đùm láách.

Nói ngọt như míaùi.

Non xanh nướciếc.

Nước đổ đầuít.

Biết người biết

Cả thềm chóngán.

Vắt chânên cổ.

Bút sa gàết.

Bèo dạt mâyôi.

Bình cũ rượuới.

Ai ơi bụng bát comây.

Ai ơi đừng bỏ ruộng h.....

Trông trời, trông đất,ông mây.

Bền chí câuua.

Thất bại là mẹ thànhông.

Người ta đi cấy lấy c.....

Dù ai câu chạch câu rùa mặc

Chớ thấy sóng cả mà ngã tayèo.

Cày đồng đang buổi banua.

Thua keo này, bày khác.

